

Số: 07 /NQ-HĐND

Đức Thịnh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 30 về phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp bộ máy hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các xã, phường;

Sau khi xem xét các Báo cáo và Tờ trình số 472/TTr-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã, báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu - chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025 như sau:

A	Tổng thu NSNN năm 2025:	346.317.163.000 đồng
1	Thu NSNN ngân sách TW, tỉnh hưởng:	74.096.703.000 đồng
2	Tổng thu ngân sách xã năm 2025:	272.220.460.000 đồng
a	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp:	58.469.925.000 đồng
b	Thu bổ sung cân đối:	53.708.713.000 đồng
c	Thu bổ sung các nhiệm vụ chuyển từ cấp huyện xuống cấp xã	141.689.421.000 đồng
d	Thu bổ sung mục tiêu	16.063.724.000 đồng
e	Thu kết dư của 3 xã chuyển về	524.298.000 đồng
f	Thu chuyển nguồn của 3 xã chuyển về	1.764.379.000 đồng

(Biểu số 01 kèm theo)

B Tổng chi ngân sách xã năm 2025 :	272.220.460.000 đồng
1 Chi đầu tư phát triển:	54.775.777.000 đồng
2 Chi thường xuyên:	216.684.683.000 đồng
3 Chi dự phòng	760.000.000 đồng

(Biểu số 02, 03, 04, 05 kèm theo)

Điều 2. HĐND xã đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách và điều hành chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025 như UBND xã đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tập trung đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp, hoàn thành và vượt kế hoạch của Hội đồng nhân dân xã giao. Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước; xây dựng các giải pháp, triển khai thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ, tổng số và cơ cấu thu; đẩy mạnh biện pháp thu nợ đọng thuế, hạn chế tối đa nợ mới phát sinh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm thuế; cải cách, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính.

2. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các phòng, ngành có chức năng thu ngân sách và các thôn, xóm phân đầu thu đúng, thu đủ và kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch của Hội đồng nhân dân xã giao. Tập trung các giải pháp chống thất thu, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

3. Trong điều kiện nguồn thu ngân sách của xã còn khó khăn, phải đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn về trên địa bàn, phát triển sản xuất, góp phần tăng trưởng kinh tế và tăng nguồn thu ngân sách. Tiếp tục huy động từ mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo và có các chính sách khuyến khích phát doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động trên lĩnh vực Giáo dục, Y tế, phát động đóng góp tự nguyện của nhân dân.

4. Điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết để dành nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, bố trí các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự phòng cho các trường hợp đột xuất, cấp bách; thực hiện giảm chi tương ứng nếu thu không đạt kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao, giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

5. Bố trí chi thường xuyên để đảm bảo nguồn cải cách tiền lương theo quy định; trong đó: đối với các đơn vị cấp xã bố trí, sử dụng một phần nguồn CCTL còn dư để thực hiện; đối với các đơn vị khác chủ động, bố trí sử dụng nguồn CCTL của đơn vị theo phân cấp; phần còn thiếu, ngân sách cấp tỉnh, xã sẽ cấp bổ sung, hỗ trợ các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện

chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương theo quy định.

6. Phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước theo thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Đầu tư công, các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn nước ngoài; thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư đúng quy hoạch, kế hoạch đã duyệt; tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, các dự án trọng điểm đối với sự phát triển kinh tế xã hội của xã.

7. Tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi và đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đảm bảo tiến độ. Kiểm soát chặt chẽ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản. Quyết định đầu tư dự án phải xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, phù hợp với kế hoạch đã giao. Đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân các nguồn vốn, công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 3. Trong quá trình điều hành thu - chi ngân sách và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, nếu có những biến động, HĐND xã giao Ủy ban nhân dân xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Ban Kinh tế - Xã hội trình HĐND xem xét quyết định.

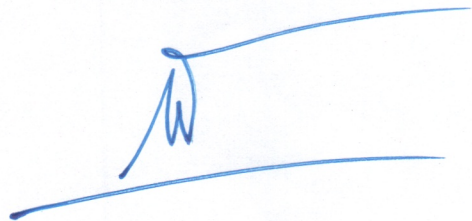
Điều 4. Hội đồng nhân dân xã giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Kinh tế - Xã hội giám sát việc thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước; kế hoạch huy động và bố trí vốn đầu tư phát triển 6 tháng cuối năm 2025 theo số liệu đã được thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Các Ban Hội đồng nhân dân xã tích cực thực hiện nhiệm vụ giám sát trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đức Thịnh khóa I, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 20 tháng 8 năm 2025, có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh khu vực Đức Thọ;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã Khóa I;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Kho Bạc Nhà nước Khu vực XI;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Đồng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Thu ngân sách năm 2025		Thực hiện thu 6 tháng		Dự toán thu 6 tháng cuối năm		Ghi chú
		Thu NSNN	Thu NS xã hưởng	Thu NSNN	Thu NS xã hưởng	Thu NSNN	Thu NS xã hưởng	
	Tổng thu	346.317.163	272.220.460	154.405.265	118.260.183	191.911.898	153.960.277	
A	Thu ngân sách trên địa bàn	132.566.628	58.469.925	66.337.366	30.192.284	66.229.262	28.277.641	
I	Các khoản thu theo tỷ lệ	1.026.000	853.000	692.503	531.503	333.497	321.497	
1	Phí, lệ phí	430.000	387.000	271.503	240.503	158.497	146.497	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	175.000	175.000			175.000	175.000	
3	Thu khác	421.000	291.000	421.000	291.000			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	131.540.628	57.616.925	65.644.863	29.660.781	65.895.765	27.956.144	
1	Các khoản thu phân chia	3.294.750	2.666.750	1.055.164	869.154	2.239.586	1.797.596	
a	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33.000	33.000	4.904	4.904	28.096	28.096	
b	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	121.750	121.750	121.750	121.750			
c	Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.140.000	2.512.000	928.510	742.500	2.211.490	1.769.500	

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	128.245.878	54.950.175	64.589.699	28.791.627	63.656.179	26.158.548	
a	Thu tiền sử dụng đất	117.000.000	52.650.000	63.429.000	28.543.000	53.571.000	24.107.000	
b	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	510.000	153.000	203.821	57.252	306.179	95.748	
c	Thuế tài nguyên	226.878	45.375	226.878	45.375			
d	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	20.000	4.000			20.000	4.000	
e	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.130.000	1.826.000	700.000	140.000	8.430.000	1.686.000	
f	Thuế thu nhập cá nhân	1.359.000	271.800	30.000	6.000	1.329.000	265.800	
B	Thu chuyển nguồn và kết dư	2.288.677	2.288.677	1.029.311	1.029.311	1.259.365	1.259.365	
1	Thu chuyển nguồn	1.764.379	1.764.379	817.464	817.464	946.915	946.915	
2	Thu kết dư ngân sách năm trước	524.298	524.298	211.848	211.848	312.450	312.450	
C	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	211.461.858	211.461.858	87.038.588	87.038.588	124.423.271	124.423.271	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	53.708.713	53.708.713	17.161.324	17.161.324	36.547.389	36.547.389	
2	Thu cân đối ngân sách giáo dục	141.689.421	141.689.421	59.971.076	59.971.076	81.718.345	81.718.346	
3	Hỗ trợ xã sất nhập (NS tính)	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000	
4	Bổ sung có mục tiêu	15.063.724	15.063.724	9.906.188	9.906.188	5.157.536	5.157.536	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỨC THỊNH

Tỉnh: Hà Tĩnh
Xã: Đức Thịnh

Biểu số: 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025 (Năm hiện hành)			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	SỐ ĐÃ THỰC HIỆN CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	DỰ TOÁN CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI	272.220.460	118.260.183	153.960.278	
I	Chi đầu tư	54.775.777	27.623.987	27.151.790	
1	Chi đầu tư xây dựng dự án năm 2025	52.793.987	27.623.987	25.170.000	
2	Chi trả tiền GPMB thu hồi đất xã Thanh Bình Thịnh	1.981.790	0	1.981.790	
II	Chi thường xuyên	216.684.684	90.636.196	126.048.488	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.862.614	1.192.614	670.000	
a	Chi dân quân tự vệ	1.548.751	1.028.751	520.000	
b	Chi trật tự an toàn xã hội	313.863	163.863	150.000	
2	Chi giáo dục	141.689.421	59.971.076	81.718.345	
a	Chi lương và các khoản phụ cấp	120.863.214	59.971.076	60.892.138	
b	Chi sự nghiệp giáo dục	20.826.207		20.826.207	
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	100.000		100.000	
4	Chi y tế	160.250	85.250	75.000	
5	Chi văn hóa, thông tin	453.876	273.876	180.000	
6	Chi phát thanh, truyền thanh	195.620	45.620	150.000	
7	Chi thể dục, thể thao	241.410	42.410	199.000	
8	Chi bảo vệ môi trường	1.858.000	58.000	1.800.000	
9	Chi các hoạt động kinh tế	10.061.618	2.448.538	7.613.080	
a	Giao thông nông thôn	632.935	248.924	384.011	
b	Nông - lâm - thủy lợi - thú y - hải sản	4.378.683	2.199.615	2.179.069	
c	Thương mại, du lịch	50.000		50.000	
d	Các sự nghiệp kinh tế	5.000.000		5.000.000	

10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	40.391.266	21.195.710	19.195.556	
10.1	Quản lý Nhà nước	29.632.416	20.459.802	9.172.614	
-	Chi lương và các khoản phụ cấp	26.051.912	18.134.451	7.917.461	
-	Chi thường xuyên	2.987.184	2.325.351	661.833	
-	Chi sửa chữa, mua sắm trung tâm dịch vụ công	150.000		150.000	
-	Kinh phí chuyển đổi số cộng đồng và tập huấn	201.200		201.200	
-	Kinh phí hỗ trợ trung tâm giáo dục cộng đồng	42.120		42.120	
-	Kinh phí hoạt động và các kỳ họp	180.000		180.000	
-	Chi hoạt động các ban hội đồng xã	20.000		20.000	
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	5.321.287	217.695	5.103.592	
-	Chi lương và các khoản phụ cấp	2.451.965		2.451.965	
-	Chi thường xuyên	312.602	217.695	94.907	
-	Chi huy hiệu Đảng 6 tháng cuối năm	1.556.720		1.556.720	
-	Chi đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030	750.000		750.000	
-	Chi kinh phí tiếp nhận các đảng viên 40 năm tuổi Đảng trở lên	50.000		50.000	
-	Chi hoạt động Đảng NS huyện cấp	100.000		100.000	
-	Chi hoạt động ban Đảng	50.000		50.000	
-	Chi hoạt động Ủy ban kiểm tra	50.000		50.000	
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể	5.250.463	431.113	4.819.350	
-	Chi lương và các khoản phụ cấp	4.280.129		4.280.129	
-	Chi thường xuyên MT và các đoàn thể	349.232	176.011	173.221	
-	Chi kinh phí khu dân cư 6 tháng cuối năm và ngày hội đại đoàn kết toàn dân	277.000	126.000	151.000	
-	Chi đại hội MTTQ và các đoàn thể	200.000		200.000	
-	Chi hoạt động ban thanh tra nhân dân	15.000		15.000	
-	Chi hoạt động, hội PN, hội ND, Đoàn TN, Hội CCB, hội cao tuổi.	129.102	129.102	0	
10.4	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	187.100	87.100	100.000	

11	Chi trợ cấp mục tiêu 6 tháng cuối năm	2.946.078	909.771	2.036.307	
a	Chi chương trình MTQGXDNTM ngân sách cấp trên.	1.557.536	450.230	1.107.306	
b	Chi chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2025	1.388.542	459.541	929.001	
12	Chi cho công tác xã hội	15.028.158	3.767.958	11.260.200	
a	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác (Hưu 130)	2.477.842	1.448.842	1.029.000	
b	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	9.622.594	270.394	9.352.200	
c	Trợ cấp xã hội, hội người cao tuổi, hội đặc thù	248.000	119.000	129.000	
d	Chi thăm hỏi, mai táng phí	2.679.723	1.929.723	750.000	
13	Chi khác	996.373	645.373	351.000	
a	Tiết kiệm chi 10% theo quy định	376.000	225.000	151.000	
b	Chi khác	620.373	420.373	200.000	
14	Kinh phí phụ vụ các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn toàn xã.	700.000		700.000	
III	Chi dự phòng	760.000	0	760.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỨC THỊNH